TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 28/09/2021
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2021/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST – DS ngày 13 tháng 09 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1977
Nơi ĐKHKTT: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình
Hiện tạm trú tại: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Phan Văn D – sinh năm 1975.
Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.
Chị H, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn D sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 1994 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh D được khoảng hai năm sau đó vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu ra ở riêng vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh D có tính gia trưởng luôn nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, sau đó thì kiếm cớ đánh đập chị. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay, bản thân chị H cũng đã nín nhịn, chịu đựng và nhờ cả hai bên gia đình nội ngoại phân tích hòa giải nhưng

anh D không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề hơn. Năm 2018 chị đã làm các thủ tục khởi kiện xin ly hôn anh D nhưng vì điều kiện công việc đi làm ăn xa nên chị đã không hoàn tất các thủ tục ly hôn anh D. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Thời gian sau đó anh chị có về đoàn tụ nhưng được thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng lại phát sinh và ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ để chung sống cùng nhau nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có ba con chung cháu Phan Thị H1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1995, cháu Phan Thị Thanh H2, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2016. Hiện hai cháu H1 và H2 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Phan Ngọc K hiện đang ở cùng với anh D. Tại đơn khởi kiện chị H nhận nuôi cháu Phan Ngọc K và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ vào hòa giải chị H đã thay đổi về yêu cầu khởi kiện về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Chị đã nhất trí để cháu K cho anh D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000/ tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu K thành niên tự lập được cuộc sống.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, còn công nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 07 năm 2021, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ bị đơn anh Phan Văn D trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Mặc dù thời điểm Đăng ký kết hôn lúc đó chị H mới 17 tuổi tuy nhiên việc kết hôn là tự nguyện và việc khai báo thêm tuổi của chị H để được kết hôn là lỗi của chị. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Năm 2018 chị H đã làm thủ tục ly hôn anh nhưng sau đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án và vợ chồng về đoàn tụ, nhưng được một thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án phân tích để chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh và chị H là hợp pháp. Trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

Về con chung: Anh và chị H có ba con chung cháu Phan Thị H1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1995, cháu Phan Thị Thanh H2, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2016. Hai cháu H1 và H2 đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, còn cháu K cháu đang ở cùng với anh khi giải quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Phan Ngọc K cho anh D tiếp tục chăm sóc nuôi

dưỡng. Anh yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu K trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, còn công nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 1 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư Pháp; khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phan Văn D.
- Về con chung: Giao cho anh Phan Văn D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2016. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Phan Ngọc K là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi cháu K thành niên, tự lập được cuộc sống. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phan Văn D có nơi cư trú tại: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H và anh D do cả chị H và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn D đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 1994 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Thời điểm kết hôn chị H mới có 17 tuổi tuy nhiên qua xác minh tại UBND xã Y thời điểm đó do chị H đã kê khai cho phù hợp và đủ tuổi kết hôn. Cả chị H và anh D đều thừa

nhận việc vợ chồng tự nguyện kết hôn, thời gian sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và cũng đã có ba người con chung. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2018 chị H đã có đơn khởi kiện xin ly hôn anh D, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết nhưng do chị H vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng có về đoàn tụ nhưng sau đó mâu thuẫn lại phát sinh, không có biện pháp nào hàn gắn. Nay chị H tiếp tục yêu cầu xin ly hôn anh D nhưng anh D không đồng ý ly hôn, mà đề nghị Tòa án hòa giải và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y thể hiện: Chị H và anh D có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thời điểm Đăng ký kết hôn chị H mới 17 tuổi, nhưng khi khai báo chị H đã khai tăng độ tuổi của mình để làm thủ tục Đăng ký kết hôn cho hợp pháp nên chị H có lỗi trong việc này, sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc hơn hai mươi năm không có mâu thuẫn gì và có với nhau ba người con chung. Nay chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Chị H và anh D có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống và làm ăn tại xóm 8, xã L, quá trình chung sống giữa chị H và anh D có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do đâu thì địa phương không nắm được. Năm 2018 chị H đã có đơn khởi kiện xin ly hôn anh D, nhưng Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án đồng thời anh chị có về đoàn tụ chung sống với nhau Nay chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Như vậy căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 1 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư Pháp và Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có ba con chung cháu Phan Thị H1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1995, cháu Phan Thị Thanh H2, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2016. Hai cháu H1 và H2 đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, còn cháu Khánh cháu đang ở cùng với anh D.

Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị H và anh D là như nhau, căn cứ vào tình hình thực tế thì từ khi chị H và anh D sống ly thân thì cháu Khánh ở với anh D và anh D cũng đã chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu K. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu anh chị thống nhất giao cháu K cho anh D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng

ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000/ tháng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên tự lập được cuộc sống. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản điểm c, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 1 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư Pháp; 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn D được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc K, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2016 cho anh Phan Văn D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000/ tháng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002640 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Y, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh